TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **214**/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 191/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông **Trần Văn T**, sinh ngày 14/5/1974;

Căn cước công dân số: 08xxxxxxxxxx, cấp ngày 25/02/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: G C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ theo thông tin cũ: G C, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà **Ngô Ngọc Nguyên T1**, sinh ngày 02/5/1974;

Căn cước công dân số: 09xxxxxxxxxx, cấp ngày 02/6/2023 tại tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: A Đường số E, KP B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ theo thông tin cũ: A Đường số E, KP B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2024 do Ủy ban nhân dân Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 02/02/2024 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn T và bà Ngô Ngọc Nguyên T1 là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Ngô Ngọc Nguyên T1 thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Hai bên khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Trần Văn T và bà Ngô Ngọc Nguyên T1 cùng chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Ngô Ngọc Nguyên T1 thuận tình ly hôn (ông Trần Văn T và bà Ngô Ngọc Nguyên T1 đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2024 do Ủy ban nhân dân Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 02/02/2024).

- Về con chung: Hai bên khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do ông Trần Văn T và bà Ngô Ngọc Nguyên T1 chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Trần Văn T và bà Ngô Ngọc Nguyên T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008476 ngày 08/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T và bà T1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV4 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- UBND phường T, TP.HCM (Để ghi vào sổ hộ tịch đối với GCNKH 13/2024 cấp ngày 02/02/2024);
- Lưu.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc